

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN THI
TỈNH HUNG YÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2021/HNGĐ - ST

Ngày 20 tháng 9 năm 2021

“ V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con
chung ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HUNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà **Lương Thị T**
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà **Dương Thị Thu H** – HPN xã cẩm Ninh
Ông **Trần Quang C** – Cán bộ nghỉ hưu

Thư ký Toà án phiên toà: Ông **Dương Mạnh H** – Thư ký Tòa án
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Thi tham gia phiên toà: Bà
Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện An Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2021 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/DSST - QĐXX ngày 11/8/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị H** Sinh năm 1988
 - *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn K** Sinh năm 1989
 - *Người có quyền lợi liên quan:*
 1. Cháu **Nguyễn Văn H** Sinh năm 2008
 2. Cháu **Nguyễn Thị Quỳnh A** Sinh năm 2009
 3. Cháu **Nguyễn Thị Ngọc D** Sinh năm 2017
 - *Người đại diện cho cháu H:* **Chị H**
 - *Người đại diện cho cháu A, D:* **A K**
- Đều trú tại: Bên Sông, Bắc Sơn, An Thi, H Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/01/2021 của chị H và các lời Ki của chị H, A K trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau:

Chị Trần Thị H và A Nguyễn Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, An Thi, H Yên vào năm 2007. Quá trình ăn ở, chung sống với nhau vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nảy sinh. Theo chị H trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu nảy sinh vào khoảng năm 2016 khi cuộc sống gia đình bắt đầu dần ổn định thì A K thay đổi tính nết, thay đổi

cách sống, A K không còn chịu khó làm ăn, ít quan tâm đến gia đình mà chủ yếu chơi bời, giao du với nhiều thành phần trong xã hội, ai gọi đi đâu cũng đi. Mặt khác A K còn dẫn người phụ nữ khác về nhà ngủ trước mặt chị H, dẫn đến vợ chồng to tiếng, đánh cãi chửi nhau hàng ngày, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và từ tháng 06/2020 đến nay sống ly thân, không ai quan tâm, trách nhiệm với ai. Nay chị H xác định không còn tình cảm, hôn nhân không thể tồn tại và duy trì được nên chị H kiên quyết xin ly hôn A K. Còn theo A K trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát chủ yếu từ phía chị H, do chị H thay đổi cách sống, thường xuyên giao du với nhiều người ngoài xã hội, lấy tiền tiết kiệm của vợ chồng để đi chơi. Từ tháng 06/2020 chị H không còn chung sống cùng A K và các con, tất cả mọi công việc trong gia đình đều do một mình A K lo liệu, gánh vác, khoảng tháng 01/2021 sau khi tìm được nơi ở của chị H, A và con trai lớn đến tìm và khuyên chị H về gia đình để chăm lo cho các con nH chị H tỏ thái độ thờ ơ, mặc kệ bố con A. sau khi A nói mãi thì chị H có về nhà ở nH ở chưa được một ngày lại trốn đi, thời gian A đi cách ly y tế tập trung thì chị H cũng không về chăm lo cho các con. Qua rất nhiều sự việc đã xảy ra, A K không thể chấp nhận người vợ như chị H vì chị sống chỉ nghĩ đến bản thân, không có trách nhiệm với gia đình. Tuy nhiên, vì các con A mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, trường hợp chị H cố tình ly hôn thì A K đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: A K, chị H có Nguyễn Văn H SN 2008; Nguyễn Thị Quỳnh A SN 2009 và Nguyễn Thị Ngọc D SN 2017. Chị H, A K đều có nguyện vọng được nuôi cả ba con chung đến tuổi thành niên. Chị H không yêu cầu A K cấp dưỡng tiền nuôi con chung còn A K yêu cầu chị H cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị H, A K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời Ki đại diện gia đình chị H trình bày: Trước khi chị H và A K lấy nhau thì gia đình cũng đã khuyên bảo chị H suy nghĩ cho thật kỹ vì hoàn cảnh gia đình A K cũng khá phức tạp, tuy nhiên cả hai đều kiên quyết đến với nhau nên gia đình nhất trí tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại quê A K. Cuộc sống vợ chồng A K không có hạnh phúc, do vợ chồng không có công việc ổn định, tiền không có, không biết tôn trọng, nhường nhịn nhau nên thường xuyên đánh cãi, chửi nhau và nhiều lần A K gọi điện cho gia đình về việc vợ chồng đánh cãi chửi nhau, do ăn ở với nhau không hòa thuận nên từ tháng 06/2020 vợ chồng sống ly thân, gia đình cũng khuyên bảo, động viên chị H quay về nH chị H kiên quyết không về vì rất sợ khi về nhà sẽ phải chịu nhiều trận đòn của A K. Sau nhiều sự việc xảy ra, gia đình thấy rằng vợ chồng chị H, A K chung sống không hòa thuận, không có tình cảm nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị H được ly hôn A K càng sớm càng tốt.

Biên bản xác minh với chính quyền thôn Bên Sông thể hiện: Thực tế cuộc sống vợ chồng chị H, A K không hòa thuận, nguyên nhân là do A K chơi bời, dẫn người phụ nữ khác về nhà nên vợ chồng đã to tiếng, đánh nhau và đêm ngày 16/5/2020 chị H đã bỏ nhà đi, thời gian chị H không có ở nhà thì A K vẫn có bạn gái ở nhà, Thôn cũng đã nhiều lần nhắc nhở nH A K vẫn không thay đổi, bản thân chị H cũng có nhiều mối quan hệ phức tạp ngoài xã hội, khi chị H về nhà thì vợ chồng lại xảy ra va chạm, công an xã đã trực tiếp đến gia đình chị H để làm việc,

sau buổi làm việc chị H không ở nhà nữa, thời gian không ở nhà nh chị H vẫn quan tâm, chăm sóc đến các con để.

Biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn thể hiện: Tại số 63 quyền 01 ngày 09/11/2007 A K và chị H có đăng ký kết hôn theo quy định, quá trình chung sống với nhau vợ chồng A K có mâu thuẫn gì nảy sinh hay không thì địa phương không nắm được vì bản thân A K, chị H cũng chưa có lần nào trình báo với chính quyền. Qua công an xã báo cáo thì vào ngày 11/6/2021 tại gia đình A K có tổ chức đánh bạc và bị công an bắt quả tang, hiện phía công an đang hoàn tất hồ sơ để xử lý theo quy định pháp luật. Vợ chồng A K có 03 con chung Nguyễn Văn H, sinh năm 2008; Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh năm 2009 và Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 2017. Cả ba cháu hiện đang ở cùng A K. Tại địa phương thì A K chưa có công việc ổn định.

Tại phiên tòa, A K vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48,51 BLTTDS. Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70,71 của BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định như vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Căn cứ vào khóa 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228; Điều 238; Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án, Khoản 1 Điều 56;58,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tình trạng hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn A K.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn H sinh ngày 06/01/2008; Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 04/5/2017 cho chị Hằng nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 31/10/2009 cho A K nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày, trA luận của các đương sự và phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thẩm quyền: Chị Trần Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn giữa chị và A Nguyễn Văn K. Tòa án xác định đây là quan hệ trA chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án là A Nguyễn Văn K cư trú tại thôn Bèn Sông, Bắc Sơn, Ân Thi, H Yên nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định.

Về việc kết hôn của chị H, A K: Chị H, A K xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn vào năm 2007, việc kết hôn của A chị đảm bảo các quy định của pháp luật. Do vậy hôn nhân của chị H, A K là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị H xin ly hôn sẽ áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thực tế cuộc sống vợ chồng giữa chị H và A K không có hạnh phúc, tồn tại rất nhiều mâu thuẫn, mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn do các đương sự trình bày có sự khác nhau nH qua các tài liệu, chứng cứ khác do Tòa án thu thập thì xác định: Vợ chồng chị H, A K luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cách suy nghĩ mỗi người mỗi khác, sự tin tưởng, tôn trọng đối với nhau là không có, thường xuyên to tiếng, đánh cãi chửi nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 06/2020 cho đến nay. Mặt khác trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập A K lên làm việc nH A K đều vắng mặt, không thể hiện thiện chí của mình trong việc hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua nhận định đã nêu ở trên chứng tỏ vợ chồng A K, chị H không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng và pháp với pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng ly hôn, chị H, A K đều mong muốn được nuôi con chung, thể hiện được tình cảm, trách nhiệm của bố, mẹ đối với con chưa thành niên. Tuy nhiên việc giao con chung cho bên nào nuôi dưỡng phải xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh của từng bên để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống cũng như sự phát triển bình thường của các cháu. Chị H có công việc cũng như mức thu nhập hàng tháng ổn định, tuy nhiên mức thu nhập như chị H trình bày thì việc chị nuôi dưỡng cả ba con chung là điều rất khó khăn, khó đảm bảo được cuộc sống cho các con chung, đối với A K thì hiện tại A K không có công việc ổn định, thu nhập không ổn định nên việc A có nguyện vọng nuôi cả ba con chung là rất khó khăn. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống, học tập cũng như sự phát triển bình thường cho các con chung cần thiết giao cháu H, cháu D cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Quỳnh A cho A K trực tiếp chăm sóc. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu A K cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí STDS theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81;82;83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn A Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Văn H, sinh ngày 06/01/2008 và Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 04/5/2017 cho chị H nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Giao con chung Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 31/10/2009 cho A K nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Hai bên đều có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000791 ngày 03/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản tại nơi cư trú theo quy định.

Nơi nhận

- VKS huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND Bắc Sơn;
- THADS;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lương Thị T

